

I. PHẦN VĂN BẢN:

1. TỤC NGŨ:

- HS học thuộc lòng 2 bài tục ngữ:
- + Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.
- + Tục ngữ về con người và xã hội.
- =>Hs nắm nội dung , nghệ thuật từng câu, tìm các câu tục ngữ đồng nghĩa(hoặc trái nghĩa) với nó.

2. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN:

S T T	Tên bài	Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm chính	Phương pháp lập luận
1	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta.	Chứng minh.
2	Sự giàu đẹp của Tiếng Việt.	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của Tiếng Việt.	Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	Chứng minh, giải thích.
3	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Phạm Văn Đồng	Sự giản dị của Bác Hồ	Đức tính giản dị của Bác Hồ.	Chứng minh, bình luận.
4	Ý nghĩa văn chương	Hoài Thanh	Sự ra đời của văn chương	Ý nghĩa văn chương	Giải thích

***Lưu ý:** HS nhận diện được đoạn trích, nắm được tên văn bản, tên tác giả, phương pháp lập luận, ý nghĩa văn bản.

3. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI:

STT	Tên văn bản	Tên tác giả	Thể loại	Nội dung
1	Sống chết mặc bay	Phạm Duy Tốn	Truyện ngắn hiện đại	Lên án tên quan phụ mẫu “ lòng lang dạ thú”. Bày tỏ niềm cảm thương trước cảnh nghìn sầu muôn thảm của người dân. * Nghệ thuật: tương phản, tăng cấp.
2	Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội châu.	Nguyễn Ái Quốc	Truyện ngắn	Khắc họa hai nhân vật có tính cách đại diện cho hai lực lượng xã hội hoàn toàn đối lập nhau ở nước ta thời Pháp thuộc. Va-ren gian trá, lố bịch, đại diện cho thực dân Pháp phản động ở Đông Dương. Phan Bội Châu kiên cường,

				bất khuất, xứng đáng là “ bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập” tiêu biểu cho khí phách, dân tộc Việt Nam.
3	Ca Huế trên sông Hương	Hà Ánh Minh	Tùy bút	Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã; một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển.

***Lưu ý:** HS nhận diện được đoạn trích, nắm được tên văn bản, tên tác giả, thể loại văn bản, ý nghĩa văn bản.

II. **TIẾNG VIỆT:**

CÁC KIỂU CÂU:

1 **Câu rút gọn:**

- Lược bỏ một số thành phần của câu: Chủ ngữ(hay vị ngữ, hay cả chủ ngữ lẫn vị ngữ)
- Tác dụng: câu gọn hơn, vừa thông tin nhanh, vừa tránh lặp từ.
- Vd: Học ăn, học nói, học gói, học mở.
- Rút gọn chủ ngữ.
- vd: Hai ba người đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người.
- Rút gọn vị ngữ.
- Vd: -Bao giờ cậu đi Hà Nội?
- Ngày mai.
- Rút gọn chủ ngữ, vị ngữ.

2. **Câu đặc biệt:**

- Là loại câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ.
- Công dụng:
- + Bộc lộ cảm xúc.
- vd: Trời ơi!
- + Liệt kê thông báo sự tồn tại của sự vật, hiện tượng.
- vd: Đoàn người nhón nháo lên. Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.
- + Xác định thời gian.
- Vd: Một đêm mùa xuân. Trên dòng sông êm ả, cái đèn cũ của bác tài Phán từ từ trôi.
- + Gọi đáp.
- vd: Sơn! Em Sơn! Sơn ơi!

3. **Tách trạng ngữ thành câu riêng:**

- Trạng ngữ dùng để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích...
- Vị trí: đứng đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu.
- vd: Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít.
- Đầu câu.
- vd: Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.
- Giữa câu.
- vd: Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp.
- Cuối câu.

***Lưu ý:** Trong một số trường hợp để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc thể hiện những tình huống, cảm xúc nhất định, người ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là trạng ngữ đứng cuối câu, thành những câu riêng.

vd: Bố cháu đã hy sinh. Năm 72.

→ Trạng ngữ được tách thành câu riêng.

4. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:

- Câu chủ động: là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác(chỉ chủ thể của hoạt động)

- Câu bị động: là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động khác hướng vào(chỉ đối tượng của hoạt động)

Vd: Người ta làm tất cả các cánh cửa chùa bằng gỗ lim.

→ Câu chủ động.

Tất cả các cánh cửa chùa được làm bằng gỗ lim.

→ Câu bị động.

5. Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu:

Khi nói hoặc viết có thể dùng những cụm từ giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C-V làm thành phần câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

Vd: Trung đội trưởng Bính// khuôn mặt /đầy đặn.

C V

→ C-V làm vị ngữ của câu.

6. Liệt kê: Là sắp xếp, nối tiếp hàng loạt các từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế.

Vd: Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh buồn bã.

+ Xét về cấu tạo:

. Liệt kê theo cặp.

vd: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập.

. Liệt kê không theo cặp.

vd: : Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần , lực lượng, tính mạng , của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập.

+ Xét về ý nghĩa:

. Liệt kê tăng tiến.

vd: Tiếng Việt ta phản ánh sự hình thành và trưởng thành của xã hội Việt Nam.

+ Liệt kê không tăng tiến.

vd: Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm mống mọc thẳng.

*HS vận dụng các kiến thức Tiếng Việt đã học để viết đoạn văn.

III. TẬP LÀM VĂN: VĂN GIẢI THÍCH.

* Dàn ý chung của bài văn giải thích:

I. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần giải thích.

- Trích dẫn lời nói (hoặc tục ngữ, ca dao..)

II. Thân bài:

1. Giải thích nghĩa của lời nói (hoặc tục ngữ, ca dao)

2. Vì sao...?

3. Làm thế nào..?(hoặc nêu một vài dẫn chứng để làm rõ vấn đề cần giải thích.)

III. Kết bài :

- Khẳng định giá trị (tính đúng đắn) của lời nói (tục ngữ hoặc ca dao)

- Liên hệ bản thân em.